

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 18 – 5 – 2021  
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình – Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Ngoan.

*Các Hội Thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Mỹ Linh.
2. Ông Trương Văn Chung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ tham gia phiên tòa:** Ông Mạch Văn Hiếu, kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thuận Hòa, huyện LM, tỉnh HG.

*2. Bị đơn:* Ông Phan Văn G, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thuận Hòa, huyện LM, tỉnh HG.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vương (gọi tắt là bà Vương) trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông Phan Văn G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Vì vậy, bà V cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà V khai có 02 con chung, cháu tên Phan Thanh Đ (giới tính: nam), sinh năm 1993 và cháu Phan Minh T (giới tính: nam), sinh năm 1997, hiện các con đã trưởng thành nên bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Văn G (gọi tắt là ông G) trình bày:*

Ông G thừa nhận vợ chồng có tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1990 và có đăng ký kết hôn nhưng ông không nhớ là đăng ký kết hôn vào thời gian nào. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Ông G thừa nhận vợ chồng ông cũng có nhiều mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống vợ chồng nguyên nhân là do bà V ghen tuông vô cớ nên vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 01 năm nay.

Về con chung: Ông G thống nhất vợ chồng có 02 con chung như bà V trình bày, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, ông G giữ nguyên ý kiến và không có trình bày gì thêm.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị không công nhận bà Nguyễn Thị V và ông Phan Văn G là vợ chồng. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Bà V và ông G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn Phan Văn G. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn Phan Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của V, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Vào năm 1990 bà V và ông G tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng ông bà đã duy trì quan hệ hôn nhân trong thời gian dài, có con chung, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung ông bà không có đăng ký kết hôn nên vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay bà V có yêu cầu xin ly hôn với ông G, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết đối với quan hệ chung sống như vợ chồng của bà V và ông G. Khoản 2 Điều 53 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng..”*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị V và ông Phan Văn G là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Các con đã trưởng thành, bà V và ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà V và ông G khai có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Bà V và ông G khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[4]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị V và ông Phan Văn G là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà V và ông G khai có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà V và ông G khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006641 phiếu lập ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền' làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND xã Thuận Hưng;
- UBND xã Thuận Hòa;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thúy Ngoan**